



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Thừa Thiên Huế*

Số 37

Ngày 04 tháng 10 năm 2018

## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

27-9-2018	Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	02
-----------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

26-9-2018	Quyết định số 2127/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.	10
26-9-2018	Quyết định số 2130/QĐ-UBND về việc sáp nhập Trung tâm Tin học và Trung tâm Giáo dục năng khiếu Văn thể mỹ vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.	12
27-9-2018	Quyết định số 2143/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giữa chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan chức năng có liên quan trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	14

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Số: 52/2018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển  
Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của Hợp tác xã, thành lập mới Hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của Hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2502/TTr-SKHĐT ngày 14 tháng 9 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018 và bãi bỏ Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh; Giám đốc Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế, thị xã và các huyện; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ từ ngân sách của tỉnh đối với các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Các Hợp tác xã được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định này thì không được hưởng các chính sách hỗ trợ tương tự được quy định tại các văn bản Pháp luật khác, trừ các chính sách hỗ trợ không được quy định tại Quy định này, và các quy định khác cao hơn.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán, cán bộ nguồn trong các Hợp tác xã; các đối tượng đã tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng mới được tuyển dụng vào làm việc tại các Hợp tác xã.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Hỗ trợ thu hút và đào tạo nguồn nhân lực**

Mỗi Hợp tác xã được lựa chọn tối đa không quá 02 định mức để áp dụng hình thức hỗ trợ thu hút và đào tạo nhân lực theo quy định. Mỗi định mức chỉ được áp dụng một trong hai hình thức dưới đây:

##### **1. Về thu hút cán bộ**

a) Mức hỗ trợ mỗi tháng cho người lao động đã tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng có chuyên ngành phù hợp được Hợp tác xã tuyển dụng vào làm việc bằng mức lương tối thiểu vùng x (nhân) 50%.

b) Hỗ trợ toàn bộ tiền bảo hiểm xã hội của người lao động phải nộp theo quy định pháp luật.

c) Thời gian hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 3 Quy định này là 36 tháng.

d) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Dưới 35 tuổi;
- Cam kết bằng văn bản làm việc trong Hợp tác xã ít nhất 06 năm;
- Có hợp đồng lao động với Hợp tác xã hoặc các điều kiện quy định tại Điều 13 Luật Hợp tác xã;
- Có văn bằng Đại học, Cao đẳng và các chứng từ hợp lệ;
- Trường hợp đối tượng được hỗ trợ vi phạm cam kết làm việc, hoàn trả lại toàn bộ chi phí đã được hỗ trợ.

2. Về đào tạo cán bộ

a) Hỗ trợ đào tạo cho các chức danh trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán, cán bộ nguồn trong các Hợp tác xã với mức: Đào tạo Đại học 50 triệu đồng/người, Cao đẳng 35 triệu đồng/người. Thời điểm hỗ trợ sau khi được cơ sở đào tạo cấp văn bằng theo quy định.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Được Hợp tác xã cử đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của Hợp tác xã;
- Có văn bản đăng ký, đề nghị được hỗ trợ đào tạo của Hợp tác xã;
- Dưới 40 tuổi đối với trường hợp được cử đi đào tạo;
- Cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực Hợp tác xã ít nhất bằng 08 năm đối với người lao động có bằng Đại học; ít nhất bằng 06 năm đối với người lao động có bằng Cao đẳng;
- Văn bằng Đại học, Cao đẳng được cơ sở đào tạo cấp;
- Trường hợp người lao động có văn bằng Đại học, Cao đẳng nhưng không thực hiện đúng cam kết làm việc, thì hoàn trả lại toàn bộ chi phí đã được hỗ trợ.

#### **Điều 4. Hỗ trợ thành lập mới, sáp nhập Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã**

Các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thành lập mới, sáp nhập được hỗ trợ để tìm hiểu thông tin, nghiên cứu Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, xây dựng Điều lệ, Phương án sản xuất kinh doanh, tổ chức Hội nghị thành lập Hợp tác xã; các mức chi hỗ trợ thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 19/12/2016 của Bộ Tài chính. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Thành lập mới

a) Đối với Hợp tác xã có số lượng thành viên từ 07 - dưới 50 thành viên được hỗ trợ với mức tối đa không quá 30 triệu đồng.

b) Đối với Hợp tác xã có số lượng thành viên từ 50 - dưới 200 thành viên được hỗ trợ với mức tối đa không quá 40 triệu đồng.

c) Đối với Hợp tác xã có số lượng thành viên từ 200 thành viên trở lên được hỗ trợ với mức tối đa không quá 50 triệu đồng.

d) Đối với việc thành lập Liên hiệp Hợp tác xã được hỗ trợ với mức tối đa không quá 30 triệu đồng.

## 2. Sáp nhập, hợp nhất

Các Hợp tác xã sáp nhập, hợp nhất được hỗ trợ 50% kinh phí quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 Quy định này.

## 3. Điều kiện hỗ trợ

a) Giấy chứng nhận Đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã và Sổ đăng ký thành viên, Hợp tác xã thành viên.

b) Cung cấp các chứng từ hợp lệ tương ứng các nội dung chi theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 19/12/2016 của Bộ Tài chính.

## **Điều 5. Hỗ trợ về hoạt động của Hợp tác xã**

### 1. Hỗ trợ lãi suất

a) Hợp tác xã có dự án, phương án đầu tư khả thi được Ngân hàng, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế (Viết tắt là tổ chức tín dụng) chấp thuận cho vay thì được hỗ trợ 100% lãi suất 01 năm đầu và 50% lãi suất 02 năm tiếp theo với mức vay tối đa không quá 01 tỷ đồng/Hợp tác xã.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Hợp tác xã hoạt động thuộc địa bàn các huyện, các thị xã, thành phố;
- Hỗ trợ lãi suất chỉ được cấp cho Hợp tác xã sau khi Hợp tác xã này đã trả nợ vay đầu tư (nợ gốc theo phân kỳ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng và lãi vay) cho tổ chức tín dụng, không hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các khoản nợ quá hạn (nợ từ nhóm 2 trở lên, nợ gia hạn và nợ đã cơ cấu lại, nợ khoan...);
- Có chứng từ thanh toán lãi suất theo quy định vay vốn của tổ chức tín dụng, gồm:
  - + Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay;
  - + Hồ sơ pháp lý của Hợp tác xã (giấy Chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã; giấy Chứng minh nhân dân của người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã);
  - + Hợp đồng tín dụng giữa Hợp tác xã và tổ chức tín dụng; các chứng từ trả nợ ngân hàng hoặc các Quỹ theo hợp đồng; Bảng tính toán lãi suất tiền vay tổ chức tín dụng;
  - + Bản đối chiếu công nợ hàng năm giữa Hợp tác xã với tổ chức tín dụng kể từ thời điểm bắt đầu vay đến thời điểm đề nghị hỗ trợ; Bảng xác nhận của tổ chức tín dụng tình trạng khoản vay (thuộc nhóm nợ nào, đã gia hạn nợ, cơ cấu nợ);
  - + Một số hồ sơ có liên quan khác.

### 2. Hỗ trợ đầu tư cơ giới hóa và nông nghiệp

a) Hỗ trợ Hợp tác xã đầu tư cơ giới hóa vào nông nghiệp như máy làm đất, máy thu hoạch, máy gieo lúa, cấy lúa, máy làm cỏ, máy đóng gói, máy sục khí, hệ thống máy sấy, bảo quản sản phẩm và các phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Trường hợp những Hợp tác xã mua máy đã qua sử dụng phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN ngày 13/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Mức hỗ trợ tiền mua máy móc thiết bị là 25% và tổng mức hỗ trợ để đầu tư cơ giới hóa vào nông nghiệp không quá 200 triệu đồng cho 01 Hợp tác xã.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Có hợp đồng mua bán và hóa đơn chứng từ kèm theo;
- Có kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án sử dụng máy móc thiết bị phù hợp với nhu cầu của Hợp tác xã;
- Thủ tục mua sắm tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Các Hợp tác xã được hỗ trợ có cam kết không được bán, chuyển nhượng tài sản đã được hỗ trợ khi chưa thực hiện xong khấu hao. Trường hợp vi phạm, hoàn trả lại số tiền đã được nhận hỗ trợ.

### 3. Hỗ trợ trang bị phương tiện, công cụ lao động

a) Trang bị phương tiện, công cụ lao động của Hợp tác xã tiếp nhận giải quyết việc làm cho những người lao động ở các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị mới do nhường đất sản xuất hoặc tiếp nhận, giải quyết việc làm cho người khuyết tật. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án không quá 50% vốn đầu tư và không quá 300 triệu đồng cho 01 Hợp tác xã.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Các Hợp tác xã tiếp nhận giải quyết việc làm cho những người lao động ở các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị mới do nhường đất sản xuất: Tiếp nhận trên 15 người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế, có hợp đồng lao động từ 06 tháng trở lên;

- Các Hợp tác xã tiếp nhận, giải quyết việc làm cho người khuyết tật những Hợp tác xã tiếp nhận, giải quyết việc làm cho người khuyết tật: Tiếp nhận từ 10 người khuyết tật trở lên có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế, có hợp đồng lao động từ 06 tháng trở lên;

- Có hợp đồng mua bán và hóa đơn chứng từ kèm theo;

- Có kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án sử dụng máy móc thiết bị phù hợp với nhu cầu của Hợp tác xã;

- Thủ tục mua sắm tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Các Hợp tác xã được hỗ trợ có cam kết không được bán, chuyển nhượng tài sản đã được hỗ trợ khi chưa thực hiện xong khấu hao. Trường hợp vi phạm, hoàn trả lại số tiền đã được nhận hỗ trợ.

4. Hỗ trợ xúc tiến thương mại; tham gia trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý:

Các Hợp tác xã được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành “Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020”.

### 5. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin

a) Hỗ trợ 100% kinh phí cho Hợp tác xã xây dựng 01 trang thông tin điện tử, mức hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng/trang.

#### b) Điều kiện hỗ trợ:

- Có hợp đồng, hóa đơn chứng từ kèm theo;
- Chỉ hỗ trợ đối với Hợp tác xã chưa có trang thông tin điện tử.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc triển khai thực hiện**

##### 1. Sở Tài chính

a) Căn cứ dự toán của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán thu, chi ngân sách tỉnh hàng năm và lồng ghép các nguồn vốn khác (nếu có).

b) Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã hướng dẫn thủ tục, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

##### 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ các Hợp tác xã hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện, đồng thời gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, nguồn từ các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã.

##### 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan chủ động lồng ghép nguồn lực đầu tư ưu tiên hỗ trợ cho các Hợp tác xã tiếp cận và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương.

##### 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (Ủy ban nhân dân cấp huyện)

a) Hàng năm căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quy định này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện đồng thời gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm.



b) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các nội dung tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quy định này, chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ và quyết định chi trả kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định tại Quy định này và các quy định khác có liên quan; thực hiện thanh toán và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn.

#### 5. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, nguồn từ các chương trình, dự án có liên quan, vốn sự nghiệp xúc tiến thương mại, sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra kết quả triển khai thực hiện chính sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã hàng năm theo quy định.

#### 6. Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã

a) Hàng năm, các Hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký các nội dung có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, thu hút cán bộ (tại Điều 3) và hỗ trợ hoạt động (tại Điều 5), thuyết minh kế hoạch sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã; phương án sử dụng kinh phí hỗ trợ và các hồ sơ có liên quan khác để Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu gửi Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổng hợp, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện.

b) Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

7. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2127/QĐ-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 9 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ  
khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Chương trình hành động số 99/CTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trung tâm thực hiện chức năng thông tin, thống kê khoa học và công nghệ, nghiên cứu, triển khai, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước của tỉnh.

**Điều 2.** Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

b) Phó Giám đốc là người được Giám đốc phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực công tác được phân công.

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các phòng chuyên môn:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ;

c) Phòng Tư vấn, dịch vụ khoa học công nghệ và Môi trường;

d) Phòng Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ.

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tổng hợp, báo cáo Giám đốc Khoa học và Công nghệ đề nghị, thống nhất với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định thành lập thêm một số phòng chuyên môn nghiệp vụ khác khi có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Số lượng người làm việc

a) Số lượng người làm việc của Trung tâm được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Trung tâm và nằm trong tổng số lượng người làm việc của Sở Khoa học và Công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm Trung tâm xây dựng kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc theo khối lượng công việc, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Điều 3.** Giao trách nhiệm Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ; sắp xếp, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với số lượng người làm việc tại Trung tâm theo quy định hiện hành.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bàn giao, tiếp nhận cơ sở vật chất, đất đai, tài chính, tài sản của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ đảm bảo theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Giám đốc Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Ngọc Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2130/QĐ-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 9 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sáp nhập Trung tâm Tin học và Trung tâm Giáo dục  
năng khiếu Văn thể mỹ vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh  
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Chương trình hành động số 99/CTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 thực hiện Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sáp nhập Trung tâm Tin học và Trung tâm Giáo dục năng khiếu Văn thể mỹ vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

b) Phó Giám đốc là người được Giám đốc phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực công tác được phân công.

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các phòng chức năng

a) Phòng Hành chính - Giáo vụ;

b) Phòng Quản lý đào tạo;

c) Phòng Tin học và dạy nghề.

3. Số lượng người làm việc

a) Số lượng người làm việc của Trung tâm được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của trung tâm và nằm trong tổng số lượng người làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Trung tâm xây dựng kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc theo khối lượng công việc, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Điều 3.** Giao trách nhiệm Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ; sắp xếp, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với số lượng người làm việc tại Trung tâm theo quy định hiện hành.

2. Chỉ đạo Trung tâm xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí số lượng người làm việc theo Đề án xác định vị trí việc làm đã được phê duyệt; xây dựng quy chế hoạt động theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bàn giao, tiếp nhận cơ sở vật chất, đất đai, tài chính, tài sản của Trung tâm Tin học và Trung tâm Giáo dục năng khiếu Văn thể mỹ đảm bảo theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Ngọc Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2143/QĐ-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 9 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan chức năng có liên quan trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Ban An toàn giao thông tỉnh tại Tờ trình số 116/TTr-BATGT ngày 31 tháng 8 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan chức năng có liên quan trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban An toàn giao thông tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ PHỐI HỢP**

**Giữa Chính quyền địa phương các cấp với các cơ quan chức năng trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nội dung và trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp với các cơ quan chức năng trong công tác phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông (ATGT) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các Sở, Ban, Ngành, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND các cấp) có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, ATGT trên địa bàn tỉnh.

##### **Điều 3. Mục đích phối hợp**

1. Tăng cường năng lực, trách nhiệm, tổ chức thực hiện và sự phối hợp giữa Ban An toàn giao thông tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Đảm bảo sự thống nhất trong công tác chỉ đạo, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

##### **Điều 4. Nguyên tắc phối hợp**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Tích cực, chủ động, thống nhất và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên.
3. Phối hợp có trọng tâm, trọng điểm, trao đổi kịp thời các thông tin liên quan đến trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.
4. Không làm ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

##### **Điều 5. Phương thức phối hợp**

1. Xây dựng các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

2. Thành lập các đoàn công tác liên ngành để kiểm tra, xử lý vi phạm theo chuyên đề.

3. Tổ chức các cuộc họp giao ban liên ngành để trao đổi, cung cấp thông tin trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

4. Hình thức khác theo sự thống nhất của các bên.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG PHỐI HỢP**

#### **Điều 6. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động**

1. Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, đề xuất các giải pháp bảo đảm trật tự ATGT trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 7. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật**

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự ATGT là nhiệm vụ của tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự ATGT phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, sâu rộng. Tổ chức tuyên truyền đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhân dân, nhất là những người tham gia giao thông. Thực hiện tuyên truyền pháp luật về trật tự ATGT bằng nhiều hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn; phát huy hiệu quả truyền thông qua hệ thống thông tin đại chúng và hệ thống đài truyền thanh xã, phường, thị trấn; tăng cường tuyên truyền trực quan, sử dụng thông điệp, pa nô, áp phích, tờ rơi, băng rôn, khẩu hiệu, triển lãm tranh ảnh, các hội thi.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục kiến thức an toàn giao thông trong trường học và xây dựng ý thức chấp hành pháp luật về trật tự ATGT trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên; chú trọng xây dựng văn hóa giao thông cộng đồng.

3. Phát động phong trào thi đua bảo đảm trật tự ATGT, xây dựng điển hình tiên tiến và thực hiện các giải pháp nâng cao tinh thần trách nhiệm của người thực thi công vụ trong công tác bảo đảm trật tự ATGT. Gắn trách nhiệm của cá nhân, người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự ATGT trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị thực thi công vụ.

#### **Điều 8. Công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự ATGT**

1. Các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ; trong đó chú trọng các hành vi: Điều khiển phương tiện giao thông chạy quá tốc độ quy định; dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe không đúng nơi quy định; chuyển làn đường, tránh vượt không đúng quy định; vi phạm về nồng độ cồn vượt quá quy định; chở quá số người quy định,



chở hàng quá tải trọng cho phép; tự ý thay đổi cấu hình kỹ thuật xe ô tô và kích thước thùng chở hàng của xe ô tô tải; phương tiện không đăng ký, đăng kiểm theo quy định; xe không được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên; không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông, người điều khiển giao thông; người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe máy, xe máy điện không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ.

2. Các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; trong đó chú trọng các hành vi: Bến thủy nội địa hoạt động không có giấy phép, không đảm bảo các điều kiện an toàn; phương tiện kinh doanh vận tải thủy nội địa không đăng ký, đăng kiểm, không trang bị đủ các trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm an toàn; người điều khiển phương tiện không có bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định; khai thác khoáng sản, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình ảnh hưởng đến luồng và hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa.

3. Các hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông nơi đường ngang giao nhau với đường sắt, bảo vệ hành lang an toàn đường sắt.

4. Vi phạm các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô như: không có phù hiệu, lệnh vận chuyển, hợp đồng, thiết bị giám sát hành trình, máy tính tiền cước, xe du lịch, xe hợp đồng bán vé hành khách như tuyến cố định ...).

5. Vi phạm các quy định về bảo vệ công trình giao thông, công trình phụ trợ khác trên đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

### **Điều 9. Việc khắc phục kết cấu hạ tầng giao thông, xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông**

1. Phối hợp kiểm tra, xử lý, đề xuất các giải pháp để khắc phục kịp thời những bất cập hạ tầng giao thông, các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông.

2. Kiểm tra, duy tu, bảo trì, sửa chữa kịp thời hư hỏng, xuống cấp trên tất cả các tuyến đường giao thông để đảm bảo giao thông thông suốt, êm thuận, an toàn.

### **Điều 10. Trao đổi, cung cấp thông tin và đề xuất giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông**

1. Phối hợp trong cung cấp, trao đổi thông tin tình hình trật tự ATGT và các vụ tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn tỉnh.

2. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đảm bảo trật tự ATGT nhằm góp phần kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 11. Công tác khắc phục hậu quả tai nạn giao thông**

1. Huy động lực lượng, phương tiện, đảm bảo hậu cần, y tế tham gia cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng xảy trên địa bàn.

2. Phối hợp cung cấp thông tin trong công tác điều tra, khởi tố các vụ tai nạn giao thông.

3. Tổ chức thăm hỏi gia đình nạn nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vì tai nạn giao thông.

**Chương III****TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN****Điều 12. Trách nhiệm của Ban An toàn giao thông tỉnh**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, ban hành văn bản và đơn đốc việc triển khai thực hiện các chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2. Theo dõi, tổng hợp tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

3. Làm đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các cấp tổ chức công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các cấp kiểm tra, đề xuất khắc phục các điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ tai nạn giao thông và những bất cập về hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch, đề xuất các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần kéo giảm tai nạn giao thông.

6. Tiếp nhận thông tin về tai nạn giao thông, báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia để chỉ đạo, khắc phục hậu quả.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đơn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan huy động lực lượng, phương tiện, đảm bảo hậu cần, y tế tham gia cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn.

7. Tham mưu, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết định kỳ để đánh giá kết quả thực hiện đồng thời tổ chức rút kinh nghiệm, xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế.

Thường xuyên theo dõi để nắm rõ thông tin; thông báo thông tin ban đầu bằng điện thoại và tin nhắn cho Trưởng ban và các Phó Trưởng ban An toàn giao thông tỉnh khi xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn toàn tỉnh.

**Điều 13. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Chỉ đạo, kiểm tra, đơn đốc các cơ quan trực thuộc sở, các đơn vị quản lý đường bộ, đơn vị thi công, xây dựng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh thường xuyên kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời những hư hỏng, bất cập trên các tuyến giao thông, rà soát bổ sung lắp đặt đầy đủ hệ thống báo hiệu đường bộ, đường sắt, đường thủy theo quy định; chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các cấp liên quan lập hồ sơ và xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT trên các tuyến giao thông được phân cấp quản lý; tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Bộ Giao thông vận tải xử lý kịp thời những bất cập về tổ chức giao thông, khắc phục những bất cập về kết cấu hạ tầng giao thông, xóa bỏ điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến Quốc lộ.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở tổ chức thực hiện và phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch và các hoạt động trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông trong ngành GTVT và các đối tượng tham gia giao thông, đơn vị kinh doanh vận tải.

3. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra tăng cường công tác thanh tra, tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về trật tự ATGT, bảo vệ công trình giao thông, vi phạm lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa theo thẩm quyền. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, siết chặt kỷ cương, nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe và đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ; kiểm soát chặt chẽ tình trạng coi nói thùng xe, gầm xe để chở hàng quá tải trọng. Thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải vi phạm về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật.

4. Phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các cấp có liên quan tăng cường công tác bảo đảm trật tự ATGT đường thủy nội địa, xây dựng hạ tầng các bến đò ngang an toàn; đình chỉ hoạt động các bến thủy nội địa, công trình trên sông không phép, không đảm bảo các điều kiện an toàn giao thông, vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; đẩy mạnh đào tạo, cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng và chứng chỉ chuyên môn cho người điều khiển phương tiện; tổ chức đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả do tai nạn giao thông gây ra.

6. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, cả năm báo cáo kịp thời các số liệu về tình hình trật tự ATGT, ùn tắc giao thông, các hoạt động chuyên ngành theo lĩnh vực được phân công về Ban An toàn giao thông tỉnh để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Công an tỉnh**

1. Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ tăng cường thực hiện các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, phối hợp các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện các tin bài, phóng sự chuyên đề, chuyên mục về an toàn giao thông để tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; kết hợp trong công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm để đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền cho mọi đối tượng tham gia giao thông về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa. Triển khai thực hiện cuộc vận động “Văn hóa giao thông với bình yên sông nước”; tiếp tục duy trì, nhân rộng, nâng cao chất lượng mô hình xã, phường, thị trấn “Tự quản về An toàn giao thông”, “Tuyến đường văn hóa, an toàn giao thông”, “Công trường an toàn giao thông”.

2. Tổ chức huy động phương tiện, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, lực lượng cảnh sát giao thông, cảnh sát khác và công an các địa phương, nhất là công an phường, xã, thị trấn thực hiện thường xuyên thực hiện tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông theo thẩm quyền; đẩy mạnh tuần lưu, xử lý các vi phạm

trật tự ATGT thông qua các thiết bị công nghệ, camera; mở các đợt cao điểm xử lý theo chuyên đề, theo đối tượng trong từng thời điểm vào các dịp như: Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, dịp nghỉ lễ 30/4, 1/5, các kỳ tổ chức Festival, Quốc khánh 2/9, kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm.

3. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất đạo đức cho lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

Quy định rõ trách nhiệm của lực lượng làm nhiệm vụ quản lý trên từng tuyến đường để nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Nâng cao năng lực, trách nhiệm cho lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đảm bảo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính trong việc xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông, đăng ký phương tiện cơ giới đường bộ và giải quyết tai nạn giao thông.

4. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các cấp trong công tác đảm bảo trật tự ATGT, cứu hộ cứu nạn, khắc phục hậu quả các vụ TNGT; kiến nghị các cơ quan, đơn vị chức năng xử lý, khắc phục kịp thời về những bất cập, hư hỏng về kết cấu hạ tầng giao thông, các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông.

5. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp, đề xuất các biện pháp thực hiện Quy chế này.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình trật tự an toàn giao thông, tai nạn giao thông định kỳ, đột xuất, khẩn cấp về Ban An toàn giao thông tỉnh theo quy định để báo cáo UBND tỉnh, Ủy ban ATGT Quốc gia chỉ đạo kịp thời.

7. Giao trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân trực tiếp theo dõi tình hình tai nạn trên các tuyến đường, địa bàn được giao phụ trách; thực hiện chế độ thông báo thông tin ban đầu bằng điện thoại và tin nhắn ngay khi xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn theo số điện thoại: Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh theo số 0913 425 641 (đ/c Trung), Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Phó Trưởng ban Ban ATGT tỉnh theo số 0913 417 912 (đ/c Tuấn) hoặc Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh theo số 0914 202 689 (đ/c Phong) để báo cáo kịp thời lãnh đạo tỉnh chỉ đạo, điều hành.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Tăng cường chỉ đạo, định hướng tuyên truyền đối với các cơ quan thông tấn, báo chí, thông tin truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về bảo đảm trật tự ATGT; phổ biến kiến thức về các biện pháp cảnh báo, ngăn chặn tai nạn giao thông về các hoạt động bảo đảm an toàn giao thông của các đơn vị, địa phương trong tỉnh.

2. Thường xuyên phát sóng, đăng tin các thông điệp về an toàn giao thông, phản ánh được những hậu quả, mất mát, thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra để nhân dân hiểu và tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn giao thông.

**Điều 16. Trách nhiệm của Sở Y tế**

1. Chỉ đạo các bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế các cấp sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để thực hiện tổ chức cấp cứu, điều trị nạn nhân trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn; phối hợp với cơ quan chức năng để thực hiện các xét nghiệm về nồng độ cồn, chất kích thích đối với người điều khiển phương tiện tham gia giao thông gây tai nạn, gây hậu quả nghiêm trọng khi có yêu cầu.

2. Phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các cấp có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng tình nguyện viên, các Đội cấp cứu TNGT của các địa phương để sẵn sàng thực hiện cấp cứu ban đầu khi TNGT xảy ra.

**Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh kế hoạch phân bổ ngân sách, phân bổ các nguồn kinh phí có liên quan đến lĩnh vực tài chính trong công tác đảm bảo trật tự ATGT cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

2. Cân đối, bổ sung, điều tiết hợp lý giữa các nguồn kinh phí để đảm bảo kinh phí hoạt động cho các nhiệm vụ, yêu cầu trong công tác bảo đảm trật tự ATGT trên địa bàn tỉnh.

**Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể cấp tỉnh**

1. Đẩy mạnh các hoạt động trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự ATGT cho mọi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên thuộc tổ chức nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về trật tự ATGT; kịp thời phản ánh đến các cơ quan chức năng những tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng về trật tự ATGT, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, xâm phạm công trình giao thông và các vụ việc tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn; đưa công tác bảo đảm trật tự ATGT vào tiêu chí xét thi đua khen thưởng cuối năm, quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị.

2. Phối hợp, tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả do tai nạn giao thông gây ra.

3. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm gửi báo cáo kết quả các hoạt động về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông được phân công, phụ trách về Ban An toàn giao thông tỉnh tổng hợp, báo cáo.

**Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế**

1. Chỉ đạo, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong công tác bảo đảm trật tự ATGT, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, công trình giao thông, hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa trên địa bàn; chủ động kiểm tra, rà soát, thống kê các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên địa bàn để xử lý hoặc đề xuất biện pháp khắc phục kịp thời theo phân cấp quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên thực hiện công tác duy tu, bảo trì, sửa chữa kịp thời những hư hỏng, xuống cấp của công trình, kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát quang, giải tỏa tầm nhìn tại các điểm giao cắt đảm bảo an toàn trên các tuyến giao thông được phân cấp quản lý; không để lấn chiếm hoặc tái lấn chiếm, xây dựng công trình, vật kiến trúc không phép, sai phép trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa. Phối hợp ngành đường sắt thực hiện tốt quy chế phối hợp bảo đảm an toàn tại các đường ngang; từng bước xóa bỏ, không để phát sinh đường ngang, lối đi tự mở trái phép qua đường sắt trên địa bàn. Tăng cường các giải pháp bảo đảm trật tự ATGT tại các bến khách ngang sông, phối hợp tổ chức đăng ký, quản lý phương tiện thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo lực lượng chức năng và các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự ATGT, kiểm chế tai nạn giao thông liên quan đến xe mô tô, xe gắn máy trên các tuyến đường nông thôn; kiểm tra, xử lý nghiêm các phương tiện hoạt động kinh doanh vận tải vi phạm việc đậu đỗ, đón trả khách không đúng nơi quy định, xe dù bến cóc, xe hợp đồng trá hình chạy tuyến cố định.

4. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông ở cơ sở, phát huy hiệu quả của hệ thống đài truyền thanh, phát thanh cơ sở; vận động nhân dân tự giác chấp hành pháp luật về trật tự ATGT bằng nhiều hình thức; cảnh báo các nguy cơ và các hành vi vi phạm thường xảy ra tai nạn giao thông.

5. Phối hợp, tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả do tai nạn giao thông gây ra.

6. Gắn trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự ATGT trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị thực thi công vụ trên địa bàn. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để gia tăng tai nạn giao thông trên địa bàn quản lý.

7. Định kỳ báo cáo, phân tích số liệu tình hình trật tự ATGT và TNGT trên địa bàn về Ban An toàn giao thông tỉnh tổng hợp, báo cáo.

8. Giao trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, các nhân trực tiếp theo dõi tình hình tai nạn thuộc địa bàn quản lý; thực hiện chế độ thông báo thông tin ban đầu bằng điện thoại và tin nhắn ngay khi xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn theo số điện thoại: Chánh văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh theo số 0913 425 641, Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Phó Trưởng Ban An toàn giao thông tỉnh theo số 0913 417 912 để kịp thời báo cáo lãnh đạo tỉnh chỉ đạo, điều hành.

## **Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự ATGT đến mọi người dân ở tổ dân phố, thôn, bản trên địa bàn, tổ chức các hoạt động vận động nhân dân tự giác chấp hành pháp luật về bảo đảm trật tự ATGT bằng nhiều hình thức, đa dạng, phong phú và cảnh báo các nguy cơ và các hành vi vi phạm thường xảy ra tai nạn giao thông.

2. Chỉ đạo lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm không để xảy ra tình trạng lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; tổ chức giải tỏa lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè đảm bảo giao thông thông an toàn; kiên quyết xóa bỏ, không để phát sinh đường ngang, lối đi tự mở trái phép qua đường sắt; quản lý chặt chẽ hoạt động tại các bến khách ngang sông trên đường thủy nội địa thuộc địa bàn quản lý.

3. Kịp thời thông báo cho cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng đến tại hiện trường để xử lý, giải quyết các vụ việc tai nạn giao thông, va chạm giao thông; phối hợp, tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả do tai nạn giao thông gây ra.

4. Gắn trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền trên địa bàn.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Quy chế phối hợp này trích từ kinh phí hoạt động thường xuyên của các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn do ngân sách nhà nước cấp và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

#### **Điều 22. Trách nhiệm thi hành**

1. Ban An toàn giao thông tỉnh có trách nhiệm chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc thực hiện Quy chế này; giao Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi và đôn đốc các cơ quan, đơn vị và UBND các cấp thực hiện có hiệu quả nội dung Quy chế, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích, báo cáo kịp thời để xử lý những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Thủ trưởng các các cơ quan, đơn vị và UBND các cấp có trách nhiệm triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban An toàn giao thông tỉnh) để tổng hợp, tham mưu điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: [congbao@thuathienhue.gov.vn](mailto:congbao@thuathienhue.gov.vn);

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.